

Bản án số: 282/2019/DS-PT

Ngày: 06-9- 2019

“V/v tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

- Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

Ông Lê Thành Tôn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Lê Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thành – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/8/2019 và 06/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 272/2019/TLPT-DS ngày 07/5/2019 về Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2019/QĐ-PT ngày 31/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lâm Ngọc T, sinh năm 1956;

Địa chỉ: Số nhà 763, ấp An Hòa, xã Định An, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 236, ấp Bình Phú Quới, xã Bình Thành, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2017).

Địa chỉ: Số nhà 236, Ấp Bình Phú Quới, xã Bình Thành, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Lâm Phước H, sinh năm 1960;

2. Đoàn Thị Thu L, sinh năm 1962;

Cùng địa chỉ: Số nhà 762, ấp An Hòa, xã Định An, L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H và bà L là: Luật sư Nguyễn Văn Hiếu – Chi nhánh Văn phòng Luật sư Kim Xuyên, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Lâm Thị O, sinh năm 1995;

2. Lâm Ngọc Quang C, sinh năm 1998;

Cùng địa chỉ: Số nhà 762, ấp An Hòa, xã Định An, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H, bà L, chị O và anh C là: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 187, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/4/2019).

3. Nguyễn Thị D, sinh năm 1953;

4. Lâm Văn Ngọc E, sinh năm 1983;

5. Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Số nhà 763, ấp An Hòa, xã Định An, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, anh Ngọc E, chị H là: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số nhà 236, Ấp Bình Phú Quới, xã Bình Thành, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/5/2017).

6. Ủy ban nhân dân huyện L;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hữu Tâm, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm Bình Thạnh 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Ông Lâm Ngọc T là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI D VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lâm Ngọc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, anh Lâm Văn Ngọc E, chị Huỳnh Thị Thu H ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông T tên là Lâm Thành Ph và Nguyễn Thị Á tặng cho ông T vào khoảng năm 1988. Đến ngày 05/10/1990 ông T chuyển nhượng cho E của ông là ông Lâm Phước H diện tích đất này giá 35 chỉ vàng 24k. Việc chuyển nhượng có làm giấy tay. Ông H và ông T đều có ký tên vào giấy mua bán đất ngày 05/10/1990. Tuy nhiên, do vợ ông T không đồng ý nên ông T không chuyển nhượng cho ông H và cũng không nhận vàng của ông H. Đất thì ông T vẫn sử dụng, nhưng giấy mua bán đất thì ông H giữ. Ông T được UBND huyện Thanh Hưng (Nay là huyện L) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/11/1991 diện tích 5.590m² đất lúa (Diện tích đo đạc thực tế là 7.321,8m²) thuộc thửa đất số 134, 135 tờ bản đồ số 3. Đến năm 1992, ông T cõ hai thửa đất nêu trên cho ông H với giá là 35 chỉ vàng 24k và ông H đã giao đủ 35 chỉ vàng 24k cho ông T. Ông T giao đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H quản lý, sử dụng đến nay. Năm 2012, do ông T thiếu nợ bà Huỳnh Thị Phê, nên Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L đã lấy 1.000m² đất lúa thuộc một phần thửa đất số 134 của ông T bán để trả nợ cho bà Phê và được sự đồng ý của ông H. Trong năm 2012, ông T yêu cầu ông H cho ông T chuộc lại đất, nhưng ông H không đồng ý. Ông H cho rằng ông T đã chuyển nhượng cho ông H. Vào ngày 04/01/2012, ông H đã tự ý làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 134 và 135 của ông T. Khi ông H làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất thì thửa đất số 134 và 135 đổi thành thửa 45, tờ bản đồ số 18 và thửa 21, tờ bản đồ số 19. Đến ngày 18/12/2013, ông H làm thủ tục tặng cho vợ là bà Đoàn Thị Thu L toàn bộ thửa đất số 45 và 21 nêu trên. Đến ngày 04/3/2014, Công an xã Định An mời ông T đến thông báo cho ông T biết phần đất của ông T đã được cấp quyền sử dụng đất cho ông H rồi, lúc này ông T mới biết việc Nhà nước cấp đất cho ông H.

Vì vậy, ông T yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp bà Đoàn Thị Thu L đối với thửa đất số 45, tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 21, tờ bản đồ số 19 mà bà L đã nhận tặng cho từ ông H, do Nhà nước đã cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T vào năm 1991, nhưng đến năm 2012 lại cấp cho ông H là vi phạm pháp luật. Yêu cầu ông H bà L trả lại cho ông T toàn bộ thửa đất số 45 và thửa đất số 21 nêu trên, ông T đồng ý trả lại cho ông H 35 chỉ vàng 24k.

- Bị đơn ông Lâm Phước H, Đoàn Thị Thu L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Ngọc Quang C và chị Lâm Thị O ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vào ngày 05/10/1990, ông Lâm Phước H có nhận chuyển nhượng của ông Lâm Ngọc T 05 công tằm cắt đất lúa thuộc 02 thửa đất số 134 và thửa 135, tờ bản đồ số 3 với giá là 35 chỉ vàng 24k. Do vào thời điểm này đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên không làm thủ tục sang tên theo pháp luật, nhưng có làm giấy tay ghi là “Giấy mua bán đất” ông T có ký tên vào giấy mua bán đất. Tại giấy mua bán đất có ông Trương Văn Da, Trương Văn C, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn N làm chứng. Ông H đã giao vàng đủ cho ông T và ông T đã giao đất cho ông H sử dụng từ 1990 đến nay. Do là anh em tin tưởng nhau, nên ông H không đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất. Đến năm 1991, ông T tự ý đi kê khai quyền sử dụng đất đối với phần đất ông H đã nhận chuyển nhượng của ông T và ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 134 và thửa 135, tờ bản đồ số 3, diện tích được cấp là 5.590m² đất lúa. Vào năm 2012, do ông T thiếu nợ bà Phê nên Cơ quan Thi hành án đã kê biên cưỡng chế 1.000m² đất lúa thuộc một phần thửa đất số 134 của ông T để trả nợ. Lúc này ông H không đồng ý, nhưng do ông T đứng tên quyền sử dụng đất nên ông chấp nhận cho bán 1.000m² thuộc một phần thửa đất số 134. Lúc này ông H mới phát hiện ông T đã kê khai quyền sử dụng đất. Do đó, cũng trong năm 2012, ông H đi làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 134 và 135, cùng tờ bản đồ số 3 và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H. Đến khoảng năm 2013-2014, thì ông H làm thủ tục tặng cho toàn bộ 02 thửa đất số 21 và thửa đất 45 (Thửa cũ là thửa 134 và 135, cùng tờ bản đồ số 3) nói trên cho vợ là bà Đoàn Thị Thu L. Do đó, ông H và bà L không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Ngọc T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với ông Lâm Phước H, bà Đoàn Thị Thu L.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 11059 QSDĐ/14 QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (Nay là huyện L), tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/11/1991 mang tên ông Lâm Ngọc T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/4/2019 ông Lâm Ngọc T và bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 711206 và 711207 do UBND huyện L cấp cho bà Đoàn Thị Thu L. Công nhận cho ông bà được sử dụng phần đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.332,3m² và thửa số 21, tờ bản đồ số 19, diện tích 3.989,5m². Ông bà đồng ý trả lại cho ông H và bà L 35 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lâm Ngọc T và bà Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của mình, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội D giải quyết của vụ án.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lâm Phước H và bà Đoàn Thị Thu L phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

Ông Lâm Ngọc T cho rằng vào ngày 05/10/1990 ông có chuyển nhượng cho ông Lâm Phước H 5 công đất (tầm cắt) giá 35 chỉ vàng 24k, nhưng việc chuyển nhượng không được vợ ông T đồng ý, nên ông T không chuyển nhượng đất cho ông H. Đến năm 1992, ông T cố cho ông H diện tích đất nêu trên với giá là 35 chỉ vàng 24k. Ông H không thừa nhận có công đất của ông T, mà cho rằng ông T đã chuyển nhượng đất cho ông theo “giấy mua bán đất” ngày 05/10/1990. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông T có chuyển nhượng đất cho ông H nhưng lại xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất là chưa cụ thể nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Về nội D:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng do đất tranh chấp là tài sản chung của vợ chồng ông và vợ ông không đồng ý chuyển nhượng nên vợ ông không ký tên vào tờ “giấy mua bán đất” ngày 5/10/1990. Do đó, đến năm 1991 ông đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 27/11/1991 nên việc chuyển nhượng đất cho ông H vào năm 1991 là không có. Vì vậy, ông yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 711206 và 711207 do UBND huyện L cấp cho bà Đoàn Thị Thu L (Vợ ông H) đối với phần đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.332,3m² và thửa số 21, tờ bản đồ số 19, diện tích 3.989,5m². Buộc ông H bà L trả lại cho vợ chồng ông diện tích đất này, ông bà đồng ý trả lại cho ông H và bà L 35 chỉ vàng 24k. Lời trình bày này của ông T là chưa đủ căn cứ. Bởi vì, ông T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Trong khi đó, ông H cho rằng ông T đã chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho ông H vào năm 1990 để chứng minh cho lời trình bày của ông H là “Giấy mua bán đất” ngày 05/10/1990 và ông H đã trực tiếp quản lý sử dụng đất từ đó cho đến nay.

Đồng thời, tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông T đều thừa nhận có làm “Giấy mua bán đất” với ông Lâm Phước H vào ngày 05/10/1990. Cho nên lời trình bày của ông T cho rằng là ông T cố diện tích đất nêu trên cho ông H giá 35 chỉ vàng 24k là không có căn cứ.

[2] Mặt khác, vào thời điểm năm 2012 khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện L cưỡng chế kê biên 1.000m², thuộc một phần thửa 135, tờ bản đồ số 3 đứng tên ông Lâm Ngọc T để thi hành án thì ông H đã phản đối không đồng ý. Ông H cho rằng nếu làm như vậy sẽ thiếu đất của ông chuyển nhượng của ông T, nhưng lúc này do ông T khó khăn và được mọi người động viên nên ông đồng ý cho kê biên 1.000m² đất. Còn ông T cho rằng việc ông H phản đối không cho kê biên 1.000m² đất là do ông H sợ thiếu đất cổ của ông T. Nhưng ông T cũng không có chứng cứ để chứng minh. Tại phiên tòa hôm nay, ông H cũng đồng ý không yêu cầu ông T trả lại 1.000m² đất mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện L cưỡng chế kê biên 1.000m² để thi hành án.

[3] Ngoài ra, ông V là người đại diện cho ông T và bà D cho rằng phần đất tranh chấp nêu trên là của cha mẹ cho vợ chồng ông T, bà D nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Việc ông T làm giấy tay chuyển nhượng đất cho ông H bà D không đồng ý nên không ký tên vào “Giấy mua bán đất” ngày 05/10/1990. Nhưng ông T và bà D cũng không có chứng cứ chứng minh.

Từ đó, đã có đủ cơ sở xác định thửa đất số 45 và thửa đất số 21 nêu trên ông T đã chuyển nhượng cho ông H vào ngày 05/10/1990.

[4] Việc UBND huyện Thanh Hưng (Nay là huyện L) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 134 và 135, tờ bản đồ số 3 cho ông T ngày 27/11/1991, nhưng đến ngày 04/7/2012 lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 45, tờ bản đồ số 18 và thửa 21, tờ bản đồ số 19 cho ông H trùng với thửa 134 và 135, tờ bản đồ số 3 đã cấp cho ông T ngày 27/11/1991 là chưa đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do có căn cứ chứng minh ông T đã chuyển nhượng đất cho ông H nên không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông H và bà L. Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị UBND huyện L thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T vào ngày 27/11/1991 là phù hợp.

Xét ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H, bà L và vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông T là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử

không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Tuy nhiên để thuận tiện cho việc thi hành án, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại cách tuyên án.

Do không chấp nhận kháng cáo của ông T và bà D nên ông bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Lâm Ngọc T và bà Nguyễn Thị D.
 2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2019/DS-ST ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện L.
 3. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Ngọc T.
 4. Buộc ông Lâm Ngọc T giao quyền sử dụng đất cho bà Đoàn Thị Thu L được quyền sử dụng phần đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.332,3m² và thửa số 21, tờ bản đồ số 19, diện tích 3.989,5m² tại xã Định An, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.
 5. Bà Đoàn Thị Thu L được sử dụng phần đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 18, diện tích 3.332,3m² và thửa số 21, tờ bản đồ số 19, diện tích 3.989,5m² tại xã Định An, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M10, M11, M12, M13, M14, M15, M16, M17, M18, M19, M20, M1.
- (Kèm theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp giữa ông Lâm Ngọc T với ông Lâm Phước H ngày 14/4/2017 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L).*
6. Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện L thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 134 và 135, tờ bản đồ số 3, số vào sổ 11059 QSDĐ/14

QĐUB do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Hưng (Nay là huyện L), tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/11/1991 đứng tên ông Lâm Ngọc T.

Các đương sự được đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai đăng ký, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí:

+ Ông Lâm Ngọc T phải chịu 25.965.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 9.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 08929 ngày 03/01/2017, 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000221 ngày 10/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Ông T còn phải nộp thêm là 16.265.000 đồng.

+ Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0000220 ngày 10/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

8. Về chi phí xE xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Lâm Ngọc T phải chịu 6.778.000 đồng, ông T đã nộp xong.

Phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi Nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Phòng KTNV- THA TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VT (N).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Sỹ Danh Đạt